

Tuần 37, 25/09/2026

Lạc nhịp

Tiêu điểm:

- Lợi suất trái phiếu Kho bạc Mỹ kỳ hạn 30 năm vọt lên 5.47%, cao nhất từ 2004, khi giá dầu tăng và lo ngại lạm phát, nợ công lan rộng toàn cầu. Đà bán tháo đã lan sang các thị trường trái phiếu lớn khác trên toàn cầu.
- SMBC 'đang đàm phán mua thêm' 5% vốn VPBank. VPBank muốn bán cổ phiếu cho đối tác mức giá cao hơn thị giá trên sàn hiện tại. Trước đó, trong năm 2023, SMBC đã trả cao hơn khoảng 40% so với thị trường, tương đương khoảng 1,5 tỷ USD, để nắm 15% vốn nhà băng Việt.
- Tập đoàn Masan sẽ bán 4.99% vốn của công ty khai khoáng MSR cho doanh nghiệp Mỹ Elmet, hợp tác với sản lượng cam kết trị giá 1.5 tỷ USD.

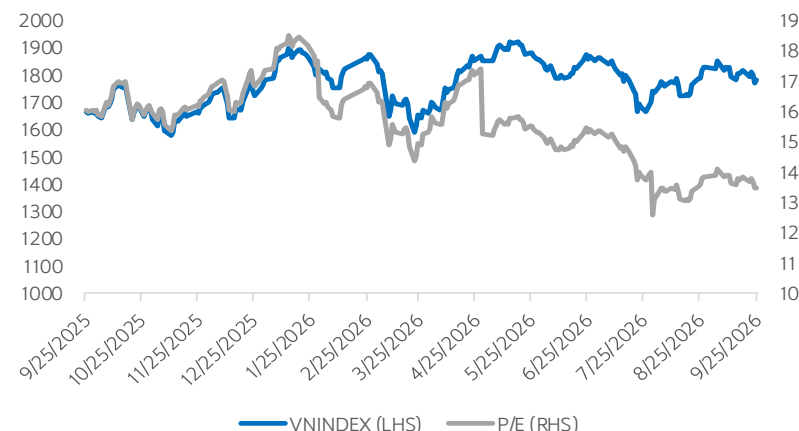
Đánh giá: Tuần giao dịch sau nâng hạng diễn ra có lẽ không đúng như kỳ vọng của đa số nhà đầu tư, khi khối ngoại vẫn có xu hướng bán ròng mạnh. Có thể diễn giải bằng việc cơ cấu lại dòng vốn tại các ETF Frontier có tác động mạnh hơn so với việc giải ngân từng phần của dòng vốn ETF Emerging. Ngoài ra, diễn biến lợi suất trái phiếu Mỹ lên mức cao nhất từ năm 2007 cũng góp phần khiến thanh khoản sụt giảm mạnh. Diễn biến thị trường khá lạc nhịp, khi các cổ phiếu vận động theo thông tin riêng lẻ, điển hình như HDB, VPB hay MSR; trong khi đại đa số cổ phiếu phân hóa cao và giảm nhẹ.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index kết tuần tại 1.785 điểm (-30,55 điểm, -1,68%) trên đồ thị tuần với thanh khoản sụt giảm. Như vậy, thanh khoản vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện khi nhìn chung vẫn giảm từ đầu năm. Trong tuần, biến động lớn chủ yếu đến từ nhóm VIC, trong khi các nhóm khác phân hóa. Hỗ trợ 1.800, tương ứng MA50 trên đồ thị ngày, có rủi ro bị thủng

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư xem xét giải ngân vùng thấp tại nhóm vốn hóa lớn được dòng vốn nâng hạng tập trung giải ngân, có định giá hấp dẫn cùng nền tảng FA tốt. Tuy nhiên, nhà đầu tư vẫn thận trọng và không mua đuổi giá cao vì xu hướng chính vẫn là sideway trong biên độ.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,785	-1.7	-0.4	-4.2	0.0		13.5	2.0	329
Upcom Index	125	-0.9	-1.2	-2.7	3.5		11.4	1.6	25
HNX Index	272	-1.1	-3.7	-14.8	9.4		13.7	1.5	16
VN30 Index	1,939	-1.3	0.1	-3.3	-4.5		11.4	2.0	250
S&P 500 Index	7,704	0.7	0.3	4.7	12.5		26.4	5.6	68,839
STOXX Europe 600 Index	640	0.7	-2.6	-0.1	8.0		16.8	2.4	18,426
Hang Seng	24,510	-1.0	-3.9	6.2	-4.4		12.1	1.3	3,794
Nikkei 225	66,364	2.1	0.8	-8.3	31.8		20.8	2.8	6,589
SHCOMP Index	3,888	-0.6	-1.6	-3.4	-2.0			1.5	9,334
STI Index	5,712	1.0	-0.4	9.5	23.0		19.4	1.8	648
KOSPI Index	7,081	2.7	4.3	-15.8	68.0		13.0	1.8	4,161

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

(84-28) 5808 7603

nam.h@shinhan.com

 Theo dõi Zalo của SSV,
 Cập nhật báo cáo mới nhất


Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT

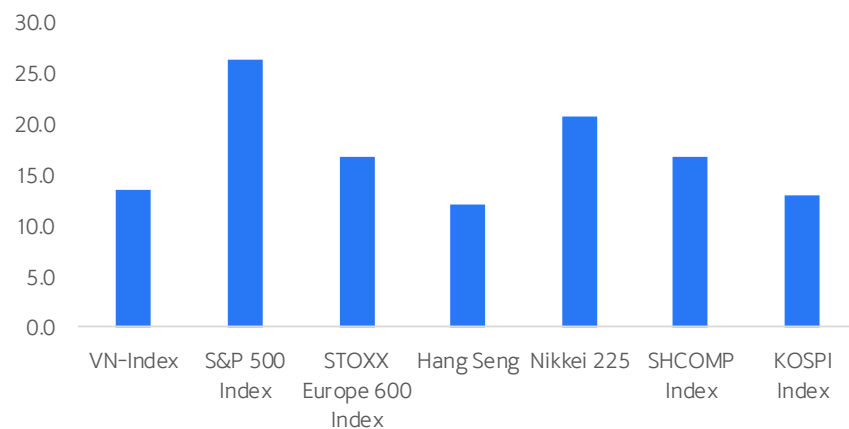
Theo vốn hóa và ngành

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD								% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-1.7	0.0	-0.6	4.9	-6.1	1.0	5.0	-24.7	91.4	0.0	15.7	2.4	7,993,949
Mid Cap	-0.9	-4.3	-9.6	-10.4	-5.6	-7.4	-17.5	-52.9	8.0	0.0	9.4	1.1	517,076
Small Cap	-0.9	-2.6	-9.0	-18.5	-10.7	5.5	5.4	-26.2	0.7	0.0	10.2	0.6	74,979

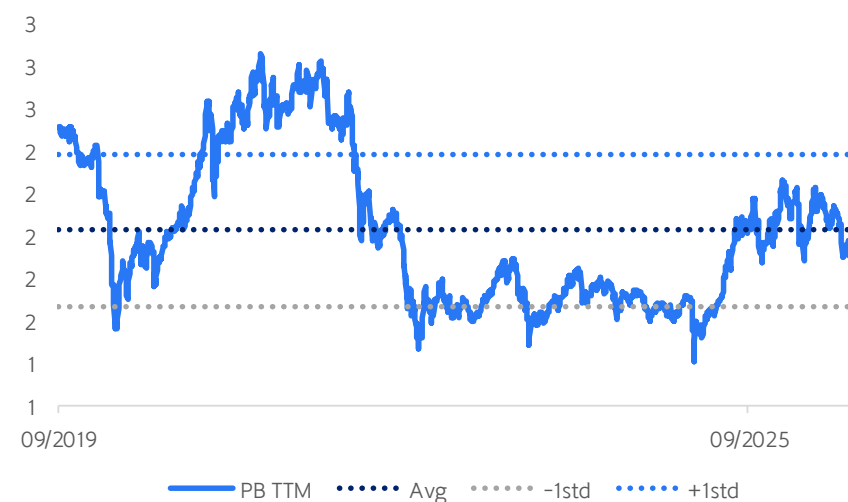
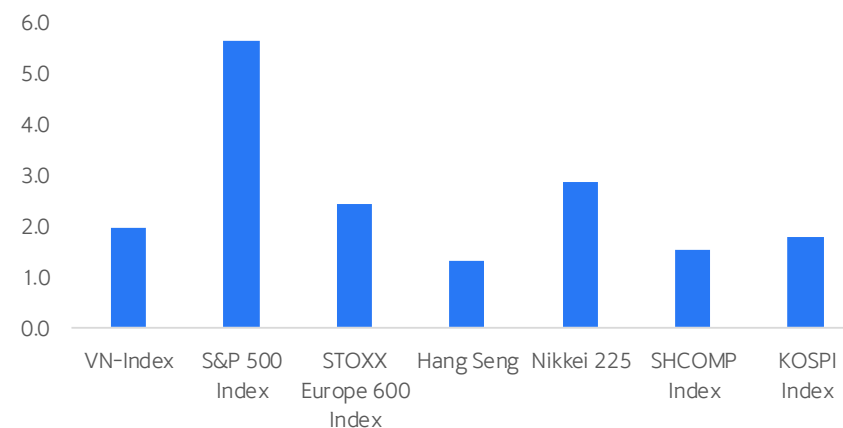
Theo ngành	% Thay đổi GTGD								% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	3.2	2.2	-8.8	-16.3	-6.9	10.1	3.4	-27.8	5.9	0.0	13.5	1.9	221,142
Bán lẻ	2.9	0.7	-0.6	-9.9	16.1	25.8	4.1	-38.2	3.0	0.6	18.3	3.4	156,397
Hóa chất	2.4	0.1	-2.6	9.1	-14.7	-9.5	12.5	-51.6	2.5	-0.2	14.9	1.7	207,968
Dược và Y tế	1.2	-3.5	-5.4	-13.2	33.7	117.0	199.2	204.3	0.8	0.3	16.2	1.9	34,911
Truyền thông	1.0	-8.4	-13.3	9.2	11.0	-39.5	-49.6	-76.9	0.0	0.0	20.6	0.8	430
Xây dựng và vật liệu	0.4	-3.5	-11.5	-13.9	-17.5	-19.0	-34.6	-70.1	1.8	-0.2	9.6	1.2	123,011
Bảo hiểm	0.3	6.3	4.1	13.9	-22.6	25.5	61.3	-13.4	0.4	-0.1	15.0	1.8	63,277
Ô tô & Phụ tùng	0.0	-6.8	-4.6	-0.4	-13.1	-16.5	-33.5	-58.9	0.2	0.0	3.7	1.0	17,234
Du lịch và Giải trí	-0.5	1.5	-9.1	-16.5	4.4	19.8	32.9	3.3	2.3	0.2	27.9	4.3	314,781
Ngân hàng	-0.6	0.1	-4.5	0.5	-1.3	9.0	9.1	-19.9	29.8	1.7	9.4	1.5	2,539,668
Công nghệ Thông tin	-0.8	0.3	-0.1	-25.1	1.9	12.2	13.8	-31.8	3.9	0.3	12.8	2.7	133,615
Thực phẩm và đồ uống	-0.8	-2.3	1.1	-11.8	14.4	23.1	15.4	-23.4	6.5	1.2	16.5	3.0	590,561
Dầu khí	-1.1	7.6	14.1	49.1	-26.0	10.0	53.6	-13.5	5.2	-1.3	27.2	2.5	214,207
Tài chính	-2.8	-7.0	-9.7	-7.3	-23.9	-15.1	-23.0	-42.7	10.9	-2.4	14.7	1.7	453,139
Tài nguyên cơ bản	-3.5	-5.1	-11.4	-11.9	-16.1	-14.7	-22.5	-54.6	3.1	-0.3	6.9	1.2	212,716
Bất động sản	-3.5	1.2	0.8	15.6	-4.8	-13.5	4.2	-14.0	20.6	0.5	34.2	3.7	2,702,196
Tiện ích	-5.3	-3.1	-0.3	2.4	-30.4	-22.5	-20.7	-55.2	1.4	-0.5	13.3	2.0	333,649
Hàng cá nhân & Gia dụng	-5.3	-12.3	-31.3	-35.5	14.3	-15.8	-21.8	-8.4	1.6	0.3	6.8	1.0	38,211

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	13,045	148,180	166,058
Ấn độ	416	-758	4,088	-24,877
Indonesia	-145	-347	-190	-4,438
Nhật Bản*	-9,913	-5,421	-1,384	51,626
Mayaysia	-83	-250	-661	-1,361
Hàn Quốc	-490	-10,756	-25,620	-120,454
Sri Lanka	-1	-4	-69	-177
Đài Loan	1,705	-1,377	-15,607	-35,967
Thái Lan	-6	-14	700	1,581
Việt Nam	-100	-112	-623	-3,562

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,422	3.1	72.5	-1.2	-160.9
Nước ngoài	1,675	0.0	73.9	-2.1	-133.8
VanEck Vectors Vietnam ETF	502	0.0	0.0	-26.5	-52.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	335	0.0	-10.0	-23.9	-127.3
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	361	0.0	-10.9	-11.1	-5.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	272	0.0	94.9	59.5	52.8
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	0.0	-1.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	747	3.1	-1.5	0.9	-27.2
DCVFMVN Diamond ETF	428	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	228	0.0	-4.7	-3.2	-22.6
SSIAM VNFIN LEAD ETF	26	3.1	3.4	4.9	6.2
MAFN VN30 ETF	20	0.0	-0.3	-3.4	-13.8
SSIAM VNX50 ETF	8	0.0	0.0	2.0	1.9
VinaCapital VN100 ETF	27	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	10	0.0	0.1	0.5	1.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

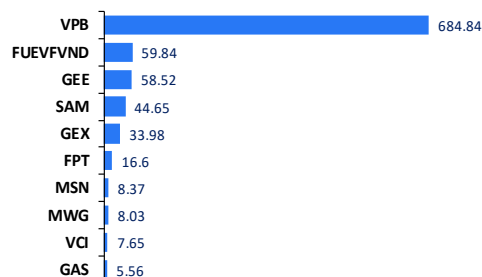
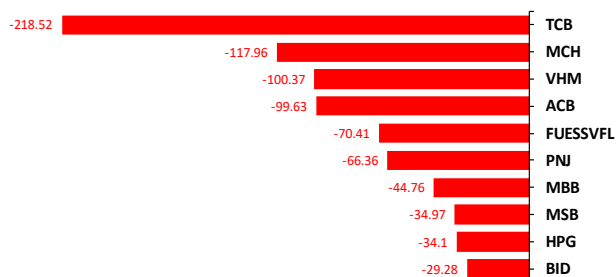
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

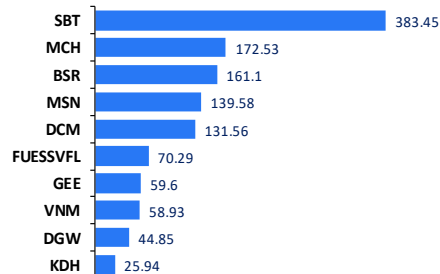
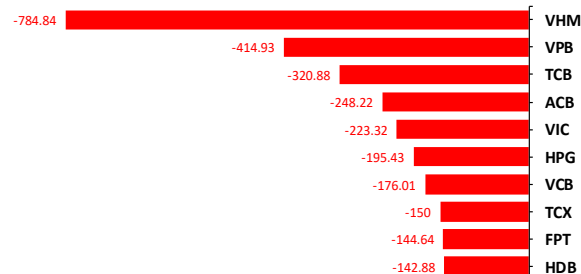
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

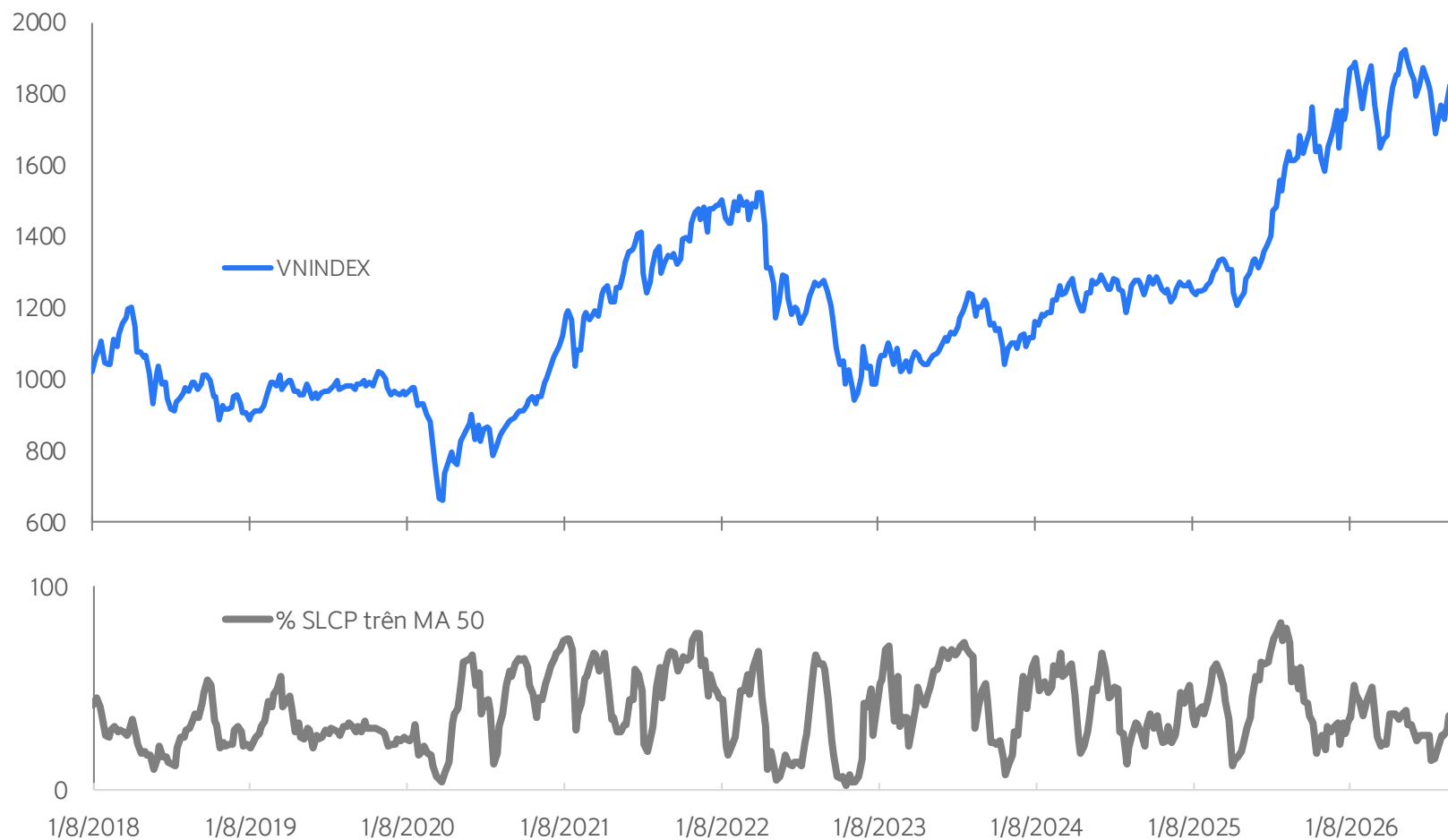
Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)
Bất động sản	-130	-1,192
Tài nguyên Cơ bản	-34	-209
Truyền thông	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	70	-42
Y tế	2	8
Hóa chất	0	91
Dịch vụ tài chính	-21	-481
Du lịch và Giải trí	-10	-6
Ngân hàng	204	-1,659
Xây dựng và Vật liệu	-5	42
Thực phẩm và đồ uống	-123	747
Bán lẻ	-14	17
Điện, nước & xăng dầu khí đ	2	24
Hàng cá nhân & Gia dụng	-66	-47
Công nghệ Thông tin	61	-141
Ô tô và phụ tùng	0	-11
Bảo hiểm	2	-86
Dầu khí	-4	81
Tổng	-67	-2,865

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Chưa bao gồm dữ liệu phiên thứ 6



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Xu hướng kỹ thuật



Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	45	Neutral	Neutral	DXG	31	Weak	Weak	BVH	57	Neutral	Neutral	HPG	39	Weak	Weak	GEX	47	Neutral	Neutral
MBB	46	Neutral	Neutral	NVL	34	Weak	Weak	BMI	53	Neutral	Strong	NKG	25	Weak	Weak	VSC	42	Neutral	Weak
HDB	58	Neutral	Strong	DIG	33	Weak	Weak	BIC	50	Too hot	Strong	HSG	31	Weak	Weak	PVT	61	Strong	Strong
VPB	65	Strong	Strong	VRE	42	Weak	Neutral	VIX	42	Weak	Neutral	SMC	50	Neutral	Neutral	GMD	53	Neutral	Neutral
MSB	68	Strong	Strong	PDR	33	Weak	Weak	SSI	49	Neutral	Neutral	CII	31	Weak	Weak	HAH	70	Too hot	Strong
TCB	59	Neutral	Strong	VIC	49	Weak	Strong	VND	33	Weak	Weak	HHV	23	Weak	Weak	GEE	64	Too hot	Strong
EIB	46	Neutral	Weak	KDH	33	Weak	Weak	VCI	40	Weak	Weak	VCG	23	Weak	Weak	VOS	65	Strong	Strong
ACB	39	Weak	Weak	VHM	45	Weak	Neutral	HCM	43	Weak	Neutral	PCI	58	Neutral	Neutral	APH	64	Strong	Strong
TPB	54	Neutral	Neutral	TCH	44	Weak	Neutral	TCX	29	Weak	Weak	FCN	37	Weak	Neutral	VTP	43	Weak	Weak
STB	54	Neutral	Neutral	KBC	26	Neutral	Weak	ORS	47	Neutral	Neutral	VGC	63	Strong	Strong	SBG	61	Neutral	Strong
CTG	42	Neutral	Neutral	HDG	41	Neutral	Weak	VDS	29	Weak	Weak	DPG	46	Neutral	Neutral	REE	50	Neutral	Neutral
VIB	47	Neutral	Neutral	HDC	36	Weak	Weak	FTS	37	Weak	Weak	CTD	36	Neutral	Weak	PAC	32	Weak	Weak
SSB	53	Neutral	Strong	NLG	35	Weak	Weak	CTS	40	Weak	Weak	CTR	44	Neutral	Neutral	TV2	43	Neutral	Neutral
VCB	44	Neutral	Neutral	DXS	41	Weak	Weak	BSI	38	Weak	Weak	HT1	41	Neutral	Weak	TCM	26	Weak	Weak
NAB	65	Strong	Strong	NTL	38	Neutral	Weak	TCI	54	Neutral	Neutral	CTI	32	Weak	Weak	TLG	54	Neutral	Strong
OCB	38	Neutral	Weak	SIP	58	Neutral	Neutral	TVB	40	Neutral	Weak	BMP	51	Neutral	Neutral	PNJ	31	Weak	Weak
BID	45	Neutral	Neutral	SZC	38	Weak	Weak	DSE	39	Neutral	Neutral					MSH	39	Neutral	Neutral
LPB	40	Neutral	Weak	BCM	46	Neutral	Neutral												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm và đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	47	Neutral	Neutral	PVD	39	Weak	Weak	MSN	58	Neutral	Strong	YEG	43	Weak	Weak	VPL	48	Neutral	Neutral
SAM	61	Neutral	Strong	BSR	62	Strong	Strong	VNM	44	Neutral	Neutral	DCL	71	Too hot	Strong	VJC	60	Strong	Strong
ELC	48	Neutral	Neutral	PLX	41	Weak	Neutral	DBC	35	Weak	Weak	DBD	44	Neutral	Weak	HVN	33	Weak	Weak
CMG	37	Weak	Weak	POW	36	Neutral	Weak	BAF	51	Neutral	Neutral	TNH	10	Weak	Weak	SCS	49	Neutral	Neutral
MWG	53	Neutral	Neutral	NT2	49	Neutral	Neutral	SAB	41	Neutral	Weak	JVC	15	Weak	Weak	VNG	37	Weak	Weak
DGW	54	Neutral	Strong	GAS	43	Weak	Neutral	ANV	39	Neutral	Weak					HAX	49	Neutral	Neutral
PET	82	Too hot	Strong	GEG	32	Neutral	Neutral	VHC	35	Neutral	Weak					DRC	36	Neutral	Weak
FRT	59	Strong	Strong	PPC	33	Neutral	Neutral	MCH	48	Neutral	Neutral								

Danh sách theo dõi tiềm năng

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	HPG	20.65	NA	23.5	NA	KQKD 1H tăng trưởng ấn tượng. Là một trong những cổ phiếu được các bộ chỉ số FTSE rót tiền phân bổ. Cổ phiếu thùng nền hỗ trợ phù hợp với chiến lược mua tích lũy với tỷ trọng nhỏ hơn là giao dịch ngắn hạn
2	TCH	11.3	NA	NA	NA	Doanh nghiệp bất động sản ít vay nợ, phù hợp trong bối cảnh lãi suất tăng cao. Nền giá đang có xu hướng tạo đáy và tích lũy gần vùng MA 50
3	BVH	68.8	NA	13	NA	Nhóm bảo hiểm hưởng lợi từ lãi suất huy động tăng. Có sự phục hồi tốt từ vùng đáy với thanh khoản cải thiện
4	GAS	80.5	NA	80	NA	Câu chuyện thoái vốn nhà nước hỗ trợ cho GAS. Cấu trúc giá mạnh khi đã hoàn toàn vượt khỏi MA 50 với thanh khoản tốt
5	SSI, VCI, HCM...	NA	NA	NA	NA	Nhóm chứng khoán được hưởng lợi mạnh mẽ khi thị trường bước vào nhịp uptrend, đi cùng là câu chuyện dòng vốn nâng hạng

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	KOS	Bất động sản	21.00 – 42.15	21.0	-30.1%
2	PIT	Bán lẻ	5.93 – 11.90	8.9	-25.0%
3	SSB	Ngân hàng	13.23 – 24.80	19.5	-19.3%
4	HUI	Xây dựng và Vật liệu	4.56 – 8.23	4.6	-18.4%
5	PHC	Xây dựng và Vật liệu	3.51 – 5.97	3.6	-14.4%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
26.7%	33.7	24.00 – 45.41	Y tế	VDP
23.4%	48.0	19.31 – 48.15	Bán lẻ	PET
15.6%	73.9	57.00 – 140.57	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	GEE
14.7%	19.5	15.30 – 39.00	Ô tô và phụ tùng	SVC
14.7%	46.5	26.00 – 62.80	Y tế	DCL

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VTJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	3.40 – 4.90	3.4	-22.7%
2	VNT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.10 – 51.40	31.3	-18.7%
3	SFN	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	15.10 – 25.90	15.1	-17.5%
4	PGT	Du lịch và Giải trí	4.60 – 9.10	5.0	-16.7%
5	API	Bất động sản	4.50 – 9.00	4.5	-16.7%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
43.4%	18.5	11.10 – 20.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	BXH
21.1%	9.2	6.00 – 10.90	Công nghệ Thông tin	UNI
17.4%	18.2	14.10 – 23.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HMH
17.1%	8.2	3.70 – 9.40	Xây dựng và Vật liệu	PTD
16.3%	34.9	23.80 – 42.50	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	PJC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VXT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	10.00 – 76.10	39.2	-47.7%
2	HUG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.30 – 32.10	18.3	-39.0%
3	TNP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17.10 – 27.00	19.6	-27.4%
4	VDN	Tiêu dùng không thiết yếu	19.50 – 55.40	34.5	-26.8%
5	DUS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4.00 – 8.60	4.0	-25.9%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
60.0%	10.4	4.70 – 13.20	Tài nguyên Cơ bản	HMG
57.6%	5.2	3.30 – 12.00	Y tế	UPH
49.1%	8.5	4.00 – 9.50	Bất động sản	VNI
48.0%	7.4	3.60 – 7.40	Xây dựng và Vật liệu	TRT
39.8%	25.3	12.50 – 27.20	Hàng cá nhân & Gia dụng	BVN

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	KLB	Ngân hàng Kiên Long	Ngân hàng	9,785.3	451.2	12.4	3.65 - 5.73	7.3
2	MSB	MSB Bank	Ngân hàng	180,469.2	422.6	14.1	9.00 - 14.50	8.9
3	BVB	Ngân hàng Bản Việt	Ngân hàng	25,974.5	198.0	10.5	10.40 - 13.54	-8.2
4	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	Y tế	2,472.8	195.4	47.0	45.20 - 54.50	0.4
5	PET	PETROSETCO	Bán lẻ	42,883.4	192.3	48.0	19.31 - 48.15	23.4
6	TVS	Chứng khoán Thiên Việt	Dịch vụ tài chính	6,131.4	146.8	15.1	11.73 - 15.95	5.2
7	VAB	Ngân hàng Việt Á	Ngân hàng	7,855.7	137.5	9.1	8.59 - 11.18	-2.2
8	HHP	Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	Tài nguyên Cơ bản	25,769.9	117.3	17.7	8.62 - 17.80	2.9
9	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	Thực phẩm và đồ uống	191,168.6	107.4	141.0	125.00 - 183.34	-1.4
10	SIP	Đầu tư Sài Gòn VRG	Bất động sản	5,032.9	105.8	50.0	45.15 - 67.00	1.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

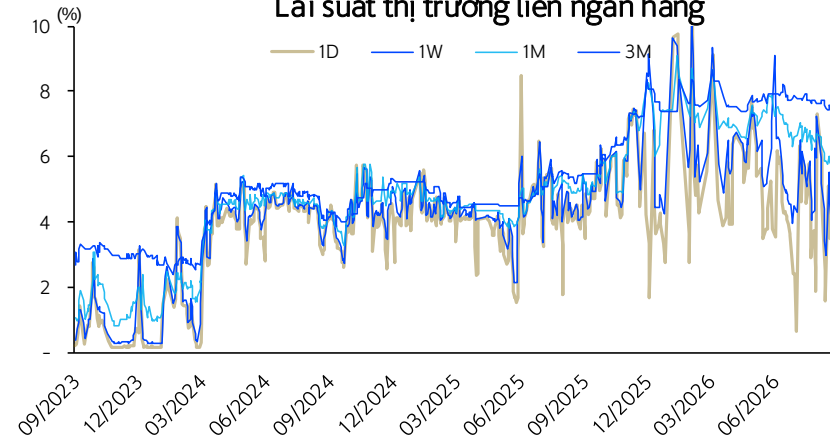
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	101.12	0.9	2.2	-0.3	2.8	
VND/USD	25,979	-0.1	-0.5	-1.3	-1.2	
KRW/USD	1,357.25	-2.1	-1.9	-12.0	-5.7	
JPY/USD	158.17	0.8	-0.6	-2.2	0.9	
EUR/USD	0.88	0.8	2.5	-0.2	3.1	
SGD/USD	1.28	0.1	0.7	-1.4	-0.6	
CNY/USD	6.71	0.1	-0.1	-1.4	-3.9	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	93.64	-6.6	13.7	30.2	63.1	
Xăng	349.71	-0.9	7.5	15.5	105.1	
Gas	3.19	9.5	15.1	-4.6	-13.5	
Than	145.00	0.2	10.3	1.0	34.9	
Vàng	4,281.53	-2.2	-8.1	6.3	-0.9	
Bạc	63.97	-3.5	-6.8	10.6	-10.7	
Platinum	1,758.94	-2.4	-5.5	9.9	-14.6	
Quặng sắt	97.14	-0.3	1.9	-3.4	-9.3	
Thép cán	3,310.00	-0.5	-0.5	-1.0	1.2	
Lúa mì	691.00	-3.3	0.8	16.9	36.3	
Ngô	517.50	-1.9	3.4	24.8	17.5	

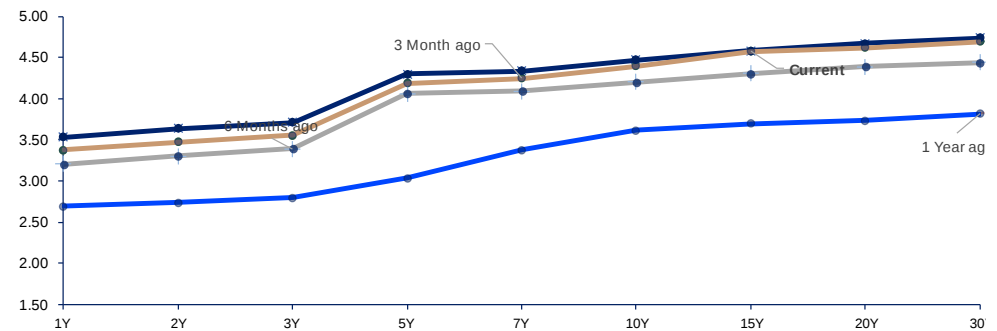
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.53	3.64	3.71	4.30	4.33	4.47	4.58	4.57	4.31
Thay đổi (WoW)	0.00	0.00	0.00	-0.30	0.00	0.50	0.00	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.